



shè huì
社会

Noun · society

Example Sentences

shè huì hěn dà
社会很大。

Society is big.

měi gè rén dōu yīng gāi wèi shè huì zuò chū gòng xiàn
每个人都应该为社会做出贡献。

Everyone should contribute to society.

tā bì yè hòu hěn kuài shì yīng le shè huì zhǎo dào le gōng zuò
他毕业后很快适应了社会，找到了工作。

He adapted to society quickly after graduation and found a job.

Trace each character, then write the word on your own.

社	社	社	社	社	社	社	社	社	社
会	会	会	会	会	会	会	会	会	会